TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2019.
Về việc: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thái Hòa

2. Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2019/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Ngọc M** , sinh năm 1973;

Nơi cư trú: 4/3, tổ 3, khu phố L , phường L , TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Th** , sinh năm 1972;

Nơi cư trú: 4/3, tổ 3, khu phố L , phường L , TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M , ông Th có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Lê Thị Ngọc M trình bày:*

Bà M và ông Nguyễn Văn Th xây dựng gia đình và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện Y ,

tỉnh Thanh Hóa, đăng ký lại theo sổ gốc số 116 ngày 28/6/1991 - Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2004, Quyển 01 ngày 13/11/2004).

Sau một thời gian chung sống cho đến những năm gần đây thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Th có tính ghen tuông, mọi cử chỉ, hành động của bà đều bị ông Th soi mói, chửi, thậm chí đánh đập bà hoặc đi nói xấu về bà với gia đình bên chồng và nói trước mặt nhiều người, thể hiện sự không tôn trọng đối với bà. Bản thân bà thì không phải là người phụ nữ xấu xa như ông Th tưởng tượng, nhưng từ nhiều năm nay bà vẫn phải nhẫn nhục chịu đựng sự đau khổ cả về thể xác lẫn tinh thần để lo cho cuộc sống gia đình. Vào năm 2014, bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông Th , nhưng do các con khuyên bảo và được Tòa án giải thích, bà đã tự nguyện rút đơn để tạo cơ hội cho ông Th sửa chữa, nhưng cũng không đem lại kết quả mà những mâu thuẫn cũ nhiều năm nay vẫn cứ lặp đi lặp lại. Đến nay sức chịu đựng của bà là không thể kéo dài thêm được nữa, bản thân bà nhận thấy không còn tình cảm với ông Th , nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Th .

** Theo bản tự khai và lời khai của bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Văn Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân đúng theo như bà M đã trình bày. Trong quá trình chung sống thì tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, thời gian gần đây vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, xích mích là do bất đồng quan điểm. Theo như bà M trình bày nói rằng ông đánh đập bà M là không đúng, sự thực mấy năm nay sức khỏe của ông bị giảm sút nên không phụ giúp được gì nhiều cho bà M , chuyện chăn gối vợ chồng cũng không còn mặn mà, nên bản thân ông nhiều lúc suy nghĩ chưa đúng về bà M , có phần xúc phạm đến bà M . Nhưng theo ông thì tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, bản thân ông có thể khắc phục được và đến nay ông vẫn còn tình cảm với bà M , nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà M , ông Th cùng xác định có 02 con chung gồm Nguyễn Thị H , sinh ngày 09/6/1992 và Nguyễn Thị Thu T , sinh ngày 09/01/2000. Hiện nay, cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Bà M và ông Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Bà M và ông Th xác định không có.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng.

Việc tuân theo pháp luật của các bên đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc M và ông Nguyễn Văn Th chung sống với nhau vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện Y , tỉnh Thanh Hóa, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua xem xét các tài tiệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà M là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M , giải quyết cho bà M được ly hôn với ông Th .

Về con chung: có 02 con chung gồm Nguyễn Thị H , sinh ngày 09/6/1992 và Nguyễn Thị Thu T , sinh ngày 09/01/2000. Hiện nay, cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M và ông Th tự thỏa thuận, nên không đặt ra giải quyết.

- Nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí HNGĐ-ST: Bà Lê Thị Ngọc M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Ngọc M xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Th , địa chỉ nơi cư trú tại: 4/3, tổ 3, khu phố L , phường L , TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc M và ông Nguyễn Văn Th xây dựng gia đình với nhau vào năm 1991, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện Y , tỉnh Thanh Hóa số 116 ngày 28/6/1991 (Đăng ký lại theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2004, Quyển 01 ngày 13/11/2004). Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, lý do bà M nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Th , theo bà M trình bày là do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn kéo dài và lặp đi lặp lại từ nhiều năm nay, vì tính ghen tuông của ông Th . Qua lời khai của ông Th trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì việc ông Th ghen tuông với bà M là có thật. Theo ông Th trình bày là do mấy năm gần đây sức khỏe của ông bị giảm sút, không phụ giúp được gì nhiều cho bà M , chuyện chăn gối vợ chồng cũng không còn mặn mà, nên bản thân ông nhiều lúc suy nghĩ không đúng về bà M , có

phần xúc phạm đến bà M . Từ đó thấy rằng nguyên nhân chính dẫn đến việc mâu thuẫn của vợ chồng là do tính ghen tuông của ông Th là có cơ sở.

Mặt khác, theo sự thừa nhận của bà M và ông Th thì mâu thuẫn của vợ chồng đã xảy ra kéo dài từ nhiều năm nay là có thật và thực tế cho thấy vào năm 2014 bà M đã một lần nộp đơn ra Tòa án để xin ly hôn với ông Th , nhưng sau đó bà M đã tự nguyện rút đơn để tạo cơ hội vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng cũng không đem lại kết quả như mong muốn. Đến nay bà M tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với ông Th vì những lý do nêu trên, còn ông Th cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, mâu thuẫn của vợ chồng không có gì lớn, bản thân ông có thể khắc phục được. Tuy nhiên, qua việc thu thập lời khai của những người con đã trưởng thành của bà M , ông Th thì được biết mâu thuẫn giữa hai ông bà xảy ra cách đây khoảng 6 năm và kéo dài cho đến nay, do tính tình hai người không hợp, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình, không ai chịu nhường nhịn ai và nghi ngờ lẫn nhau, nên mâu thuẫn xảy ra thường xuyên.

Tại phiên tòa, ông Th cho rằng vẫn còn tình cảm với bà M , nhưng theo nội dung bản tự khai ngày 15/4/2019, ông Th lại khai là vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình không hợp, có xích mích, xô xát, đánh nhau xảy ra, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng vẫn không thành nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến nay giữa ông và bà M không còn liên quan đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện đề nghị bà M chia tài sản chung. Từ đó Hội đồng xét xử thấy rằng sự thật thì ông Th cũng không còn tình cảm vợ chồng với bà M .

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông Th đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn và không thể hàn gắn đoàn tụ, nên mục đích hôn nhân không đạt được, việc tồn tại mối quan hệ vợ chồng chỉ còn trên danh nghĩa. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M , giải quyết cho bà M được ly hôn với ông Th để trả tự do cho nhau.

[3] Về con chung: Bà M , ông Th xác định có 02 con chung gồm Nguyễn Thị H , sinh ngày 09/6/1992 và Nguyễn Thị Thu T , sinh ngày 09/01/2000, bà M , ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, hiện nay cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, không thuộc trường hợp bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà M và ông Th tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà M và ông Th xác định không có, nên không đặt ra giải quyết

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị Ngọc M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa trình bày tại phiên tòa. Xét thấy, phù hợp với những với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 131; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của bà Lê Thị Ngọc M .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc M được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th .

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0004247 ngày 11/3/2019.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Ngọc M và ông Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).